

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày: 08.9.2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

2. Ông Dương Hải Long

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Minh Hòa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 12/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST - DS ngày 16/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 461/2020/QĐST-DS ngày 14/8/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Phú D, sinh năm: 1971, bà Phạm Thị L, sinh năm: 1978; cư trú tại thôn L, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

*Bị đơn:* Vợ chồng ông Phạm Văn K, sinh năm: 1974, bà Nguyễn Thị Hoàng K, sinh năm: 1981; cư trú tại tổ X, thôn Đ, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/01/2020, lời trình bày tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L trình bày, ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị Hoàng K là anh trai và chị dâu của bà L. Vợ chồng ông K, bà K buôn bán cà phê nên cần tiền làm ăn và có đặt vấn đề với ông, bà hỏi vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 12/4/2013 vợ chồng ông, bà thế chấp hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 2211, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại tổ 7, thôn Lộc Quý, xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt và thửa đất số 1332 (gốc 795), tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại tổ 1, thôn Lộc Quý, xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt đứng tên ông, bà vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Trại Mát 400.000.000đ và Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long 400.000.000đ để cho vợ chồng ông K, bà K vay số tiền 800.000.000đ. Do là anh em trong nhà nên vợ chồng ông K, bà K là người trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng nhưng chỉ trả được mấy tháng. Số tiền vay trên vợ chồng ông K, bà K hạn 01 năm sau sẽ trả đủ. Cũng trong ngày 12/4/2013 vợ chồng ông, bà cho vợ chồng ông K, bà K vay thêm số tiền mặt 170.000.000đ, lãi suất 2%/tháng. Tổng số tiền vợ chồng ông, bà cho vợ chồng K, bà K vay ngày 12/4/2013 là 970.000.000đ.

Ngoài ra vợ chồng ông, bà còn cho bà K vay thêm nhiều lần tiền cụ thể như sau: ngày 07/5/2013 vay 30.000.000đ, ngày 17/9/2015 vay 1.000.000.000đ, ngày 24/9/2015 vay 100.000.000đ và ngày 20/9/2016 vay 1.100.000.000đ.

Số tiền vay trên vợ chồng ông, bà không tính lãi, bà K hứa khi nào vợ chồng ông, bà cần tiền thì bà K sẽ có trách nhiệm trả. Đến hạn trả nợ và cần tiền (khoảng cuối năm 2017 đầu năm 2018) ông, bà yêu cầu vợ chồng ông K, bà K trả số tiền vay trên nhưng vợ chồng ông K, bà K không trả. Khi vay số tiền trên vợ chồng ông K, bà K không thế chấp tài sản hay giấy tờ gì. Từ khi vay cho đến nay vợ chồng ông K, bà K không trả cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc nào, tiền lãi chỉ trả được mấy tháng cho Ngân hàng. Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu vợ chồng ông K, bà K phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền 970.000.000đ và bà K phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền 2.230.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn K, Nguyễn Thị Hoàng K đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do vợ chồng ông K, bà K vắng mặt.

*Tại phiên tòa,*

Vợ chồng ông D, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông K phải có trách nhiệm cùng với bà Nguyễn Thị Hoàng K trả số tiền 970.000.000đ cho vợ chồng ông, bà; chỉ yêu cầu bà K phải trả cho vợ chồng ông, bà tổng số tiền 3.200.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Vợ chồng ông K, bà K vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L đối với bà Nguyễn Thị Hoàng

K, buộc bà Nguyễn Thị Hoàng K phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L số tiền 3.200.000.000đ, về lãi suất không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Giữa vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L và vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị Hoàng K có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản, do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Do vậy có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị Hoàng K đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo hồ sơ thể hiện thì do có quan hệ là anh em trong gia đình nên ngày 12/4/2013 của vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L có cho vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị Hoàng K vay số tiền 970.000.000đ (trong đó có 800.000.000đ vợ chồng ông D, bà L vay Ngân hàng cho mượn lại và 170.000.000đ là tiền mặt của gia đình), ngoài số tiền vay trên ra vợ chồng ông D, bà L còn cho bà K vay thêm nhiều lần tiền cụ thể như sau, ngày 07/5/2013 vay 30.000.000đ; ngày 17/9/2015 vay 1.000.000.000đ; ngày 24/9/2015 vay 100.000.000đ và ngày 20/9/2016 vay 1.100.000.000đ. Số tiền 800.000.000đ khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng, số tiền gốc hẹn 1 năm sau sẽ trả đủ; số tiền 170.000.000đ hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Đối với số tiền một mình bà K vay thì không tính lãi và hẹn khi nào vợ chồng ông D, bà L cần tiền thì bà K sẽ có trách nhiệm trả. Tuy nhiên đến hạn trả nợ và vợ chồng ông D, bà L cần tiền thì vợ chồng ông K, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông D, bà L như đã thỏa thuận nên vợ chồng ông D, bà L khởi kiện vợ chồng ông K, bà K.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị Hoàng K trong giấy mượn tiền và sổ nhà đất ngày 12/4/2013 so với mẫu chữ ký, chữ viết của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị Hoàng K tại giấy thỏa thuận cho chuộc vườn; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 23/3/2017; Hợp đồng tín dụng ngày 23/3/2017.

Tại Kết luận giám định số 782/GĐ-PC09 ngày 02/6/2020; Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận:

“Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Hoàng K trong giấy vay mượn tiền và sổ nhà đất ngày 12/4/2013 dưới mục “vợ”; chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Hoàng K dưới dòng chữ “một tỉ đồng chẵn”; chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Hoàng K dưới dòng chữ “... vợ chồng Nguyễn Phú D” so với mẫu so sánh (chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Hoàng K trong giấy thỏa thuận cho chuộc vườn; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 23/3/2017; Hợp đồng tín dụng ngày 23/3/2017) là do cùng một người ký và viết ra.

Chữ viết có nội dung “Hôm nay ngày 17/9/2015. Vợ chồng K + K có nhận 1.000.000.000.một tỉ đồng chẵn và “Ngày 24/9/2015.K nhận thêm 100.000.000.một trăm triệu đồng chẵn” so với mẫu so sánh (chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Hoàng K trong giấy thỏa thuận cho chuộc vườn; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 23/3/2017; Hợp đồng tín dụng ngày 23/3/2017) là do cùng một người viết ra.

Không có đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết ghi họ tên Phạm Văn K dưới mục “Chồng” tại giấy vay mượn tiền và sổ nhà đất so với chữ ký chữ viết ghi họ tên Phạm Văn K trên các tài liệu mẫu so sánh (chữ ký, chữ viết của Phạm Văn K trong giấy thỏa thuận cho chuộc vườn; Hợp đồng tín dụng ngày 23/3/2017) có phải do cùng một người ký và viết ra hay không”.

Do vậy, có căn cứ xác định giữa các bên có xác lập giao dịch và việc vay nợ là có xảy ra trong thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông D, bà L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Phạm Văn K phải có trách nhiệm cùng bà Nguyễn Thị Hoàng K trả số tiền 970.000.000đ cho vợ chồng ông, bà; chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng K có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông, bà số tiền 3.200.000.000đ, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[3.3] Đối với tiền lãi, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông D, bà L không yêu cầu tính lãi, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần chấp nhận.

[4] Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L, buộc bà Nguyễn Thị Hoàng K phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L số tiền 3.200.000.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L về việc yêu cầu ông Phạm Văn K cùng có trách nhiệm với bà Nguyễn Thị Hoàng K trả số tiền 970.000.000đ cho vợ chồng ông D, bà L.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.500.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D, bà L được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bà K phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nói trên. Nguyên đơn đã tạm ứng và được quyết toán xong nên bà K có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông D, bà L số tiền trên.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên vợ chồng ông D, bà L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà K phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho vợ chồng ông D, bà L.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 159, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, 474, 477, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L về việc yêu cầu ông Phạm Văn K cùng có trách nhiệm với bà Nguyễn Thị Hoàng K trả số tiền 970.000.000đ cho vợ chồng ông D, bà L.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản*” của vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng K phải trả số tiền 3.200.000.000đ.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng K phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L số tiền 3.200.000.000đ (ba tỷ hai trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử vụ án đối với phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L về việc yêu cầu ông Phạm Văn K cùng có trách nhiệm với bà Nguyễn Thị Hoàng K trả số tiền 970.000.000đ cho vợ chồng ông D, bà L. Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với phần yêu cầu đã rút nói trên của vợ chồng ông D, bà L được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hoàng K phải chịu 4.500.000đ chi phí giám định. Bà K có trách nhiệm thanh toán lại cho vợ chồng ông D, bà L số tiền 4.500.000đ.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoàng K phải chịu 96.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Nguyễn Phú D, bà Phạm Thị L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; vợ chồng ông D, bà L được nhận lại số tiền 48.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017146 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

## 5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

### + Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thúy Ngọc**